TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 803/2026/DS-PT
Ngày: 23/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở nhân dân thành phố C xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 748/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2026/DSST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 927/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Đức Anh T,**sinh năm: 1968

Đăng ký thường trú: B N, phường C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn D,** sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số A đường số F, khu T, phường T, TP Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông **Nguyễn Kỳ Việt C**, sinh năm 1973.

Nơi thường trú: 160/24, đường C, phường N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: Số E đường T, phường C, thành phố Cần Thơ. *Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 990/2026/CCGD ngày 17/4/2026*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn trình bày: Ngày 01/03/01/3/2021, ông Đỗ Văn D có vay của nguyên đơn số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn), mục đích vay để đóng sà lan vận chuyển gạch, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, khi nào nguyên đơn có nhu cầu sử dụng tiền thì cho ông D hay trước 01 tháng để ông sắp xếp trả tiền lại. Ông D có viết Giấy mượn tiền bằng giấy tay cho nguyên đơn để làm tin.

Đến tháng 07/2022 ông D bỏ trốn, ông có đến nhà gặp con ông D là Đỗ Anh T1 và vợ là bà T2, hai người này đồng ý nhận nợ và trả bằng gạch theo giá thị trường, ông đồng ý và không tính thêm lãi, mặc dù gạch bán cao hơn giá thị trường từ 10 đồng đến 20 đồng nhưng ông vẫn chấp nhận. Cho đến ngày 23/3/2024 đã trả được tổng cộng 187.465.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Từ tháng 09/2025, ông D và gia đình không trả nợ cho ông nữa. Ông đã làm đơn yêu cầu Ban N, Phường T, TP . yêu cầu giải quyết. Ngày 12/09/2025, Ban N có mời ông Đỗ Văn D đến để giải quyết, nhưng ông D không đến. Ban N có lập Biên bản hòa giải cơ sở, nhưng không thành vì ông Đỗ Văn D không đến dự.

Do bị đơn không có thiện chí trả nợ, ông khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Đỗ Văn D phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ là: 212.535.000 đồng, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

- Bị đơn ông Đỗ Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2026/DSST ngày 11 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức Anh T đối với bị đơn là ông Đỗ Văn D.

Tuyên bố:

Buộc bị đơn ông Đỗ Văn D phải trả cho nguyên đơn ông Phan Đức Anh T tổng số tiền 212.535.000 đồng (hai trăm mười hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.627.000 đồng (Mười triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.313.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011326, ngày 03/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 23/02/2026 bị đơn kháng cáo cho rằng không vay tiền như bản án sơ thẩm, nên không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền từ năm 01/3/2021, sau khi vay tiền bị đơn đóng được 09 tháng với lãi suất 3%/tháng với số tiền 108.000.000 đồng, gia đình đã thanh toán được số tiền 187.465.000 đồng bị đơn trả số tiền còn nợ là 212.535.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn 8.000.000 đồng. Nguyên đơn trình bày nguyên nhân có biên nhận nợ ngày 05/02/2020 và biên nhận nợ năm 01/3/2021 là vì sau khi ông D ký biên nhận nợ ngày 05/02/2020 thì ông D mượn thêm ông 200.000.000 đồng, nên ông D ký lại biên nhận nợ năm 01/3/2021. Việc ông kiện ông D theo biên nhận nợ năm 01/3/2021 là đúng sự thật, việc ông cung cấp biên nhận nợ năm 2020 bản gốc là sai sót của nguyên đơn, nguyên đơn xin lỗi Hội đồng xét xử. Nay ông xác định ông kiện bị đơn theo biên nhận nợ gốc năm 01/3/2021, nguyên đơn cung cấp biên nhận nợ gốc 01/3/2021 tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn, tất cả các giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký của bị đơn, theo trong đơn khởi kiện nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 1/3/01/3/2021 để khởi kiện bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 5/2/2020 là chưa phù hợp, việc nguyên đơn cho rằng vợ con ông D có giao gạch cho nguyên đơn là giao dịch khác. Nay bị đơn không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu cần thiết bị đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông D trong biên nhận nợ này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên đơn ông Phan Đức Anh T có cho ông Đỗ Văn D vay 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng, khi nào ông T có nhu tiền thì thông báo cho ông D hay trước 01 tháng, ông D sẽ hoàn lại thể hiện theo biên nhận ngày 01/03/01/3/2021. Đến tháng 07/2022 ông D bỏ trốn thì gia đình ông D đã trả cho ông được 187.465.000 đồng, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông D trả lại số tiền gốc còn lại là 212.535.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình xét xử, Tòa án nhân dân Khu vực 1 đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D hợp lệ nhưng ông vẫn không có ý kiến gì. Do đó, khu vực căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 05/2/2020 để buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 212.535.000 đồng là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới so với cấp khu vực, nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi năm 2025, theo hướng không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn D, giữ nguyên bản án số 35/2026/DS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ.

Phần án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng không còn nợ tiền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Theo Giấy mượn tiền ngày 05/02/2020 thể hiện bị đơn ông Đỗ Văn D trực tiếp ký tên xác nhận vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng. Đây là chứng cứ chứng minh việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định bị đơn và gia đình đã thanh toán được số tiền 187.465.000 đồng, nên chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 212.535.000 đồng. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán hết khoản nợ hoặc chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Theo quy định tại các Điều 91 và 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ chứng minh

nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp chứng cứ. Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 212.535.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Tại giai đoạn phúc thẩm, Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn số tiền 8.000.000 đồng tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán trước đây. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn, chữ ký trong giấy mượn tiền không phải của mình. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu, ý kiến phản đối của mình; việc bị đơn chỉ phủ nhận nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

[3.4] Đối với ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào "biên nhận nợ gốc" thay vì "giấy mượn tiền" ngày 05/02/2020, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khởi kiện theo biên nhận nợ năm 01/3/2021 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn nộp biên nhận nợ gốc 2020 và nhận định căn cứ vào biên nhận nợ ngày 05/02/2020 là sai sót của cấp sơ thẩm nên cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xác định nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo biên nhận nợ ngày 01/3/2021 và nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ gốc ngày 01/3/2021, theo biên nhận ngày 01/3/2021 nội dung thể hiện việc bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, việc nguyên đơn cung cấp bản gốc biện nhận nợ gốc ngày 01/3/2021 tại phiên tòa phúc thẩm không làm thay đổi bản chất của chứng cứ cũng như quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3.5] Đối với ý kiến cho rằng việc vợ, con của bị đơn giao gạch cho nguyên đơn là một giao dịch khác, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn chỉ xác định đây là khoản tiền đã được phía bị đơn và gia đình thanh toán để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ, đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán số tiền còn lại sau khi đã trừ khoản đã nhận và còn tự nguyện giảm thêm một phần tiền lãi có lợi cho bị đơn. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao gạch thuộc giao dịch độc lập, không liên quan đến khoản vay đang tranh chấp

[3.6] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện giảm 8.000.000 đồng tiền lãi đã nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa bản án điều chỉnh việc ghi nhận này, việc sửa bản án là khách quan, không có lỗi của cấp sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện giảm 8.000.000 đồng của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại án phí sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn D. Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính 8.000.000 đồng tiền lãi đã nhận. Sửa bản án sơ thẩm số: 35/2026/DS -ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức Anh T đối với bị đơn là ông Đỗ Văn D.

2. Buộc bị đơn ông Đỗ Văn D phải trả cho nguyên đơn ông Phan Đức Anh T tổng số tiền 204.535.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.226.750 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.313.000đồng (năm triệu ba trăm mười ba nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011326, ngày 03/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ.

5. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền bị đơn nộp tạm ứng án phí bị đơn nộp theo biên lai 0005352 ngày 24 tháng 03 năm 2026.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 - TP Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 1 - TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Quốc